

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/DS-PT
Ngày: 16/01/2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng
vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu

Ông Nguyễn Lê Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 và 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng
Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 773/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng
11 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2025/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của
Toà án nhân dân Khu vực 4 – tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1485/2025/QĐ-PT ngày
25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp , xã T P, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Võ Văn E, sinh năm 1979. (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2025)

Địa chỉ: Ấp Kinh , phường M P T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974 (Văn bản ủy quyền ngày
13/10/2025)

Địa chỉ: Ấp L T, xã C T, tỉnh Đồng Tháp.

* **Bị đơn:** 1. Ông Phan Văn T, sinh năm 1963.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Tổ , ấp , xã M T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Phan Văn H, sinh năm 1987

2. Dương Thị Kiều N, sinh năm 1989 (Văn bản ủy quyền ngày 6/01/2026)

Cùng địa chỉ: Ấp , xã M T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Phan Văn T, Nguyễn Thị C: Luật sư Lê Xuân T – Văn phòng luật sư Tân Phú, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phan Thị V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp , xã T P, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị C

Anh A, anh E, anh H, chị N và chị V có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:*

Vào ngày 02/11/2020 (âm lịch) vợ chồng ông T, bà C có mượn chị số tiền 427.000.000 đồng. Theo thỏa thuận trong biên nhận mỗi 03 tháng ông T, bà C sẽ trả cho chị số tiền 7.000.000 đồng, trả dần cho đến khi hết nợ, nếu vi phạm thỏa thuận thì chị có quyền khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn làm một lần và tiền lãi. Từ ngày 02/11/2020 (âm lịch) đến ngày 30/01/2025 ông T, bà C trả cho chị được 15 lần, nay chị yêu cầu ông T, bà C trả số tiền vốn còn lại là 322.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 02/11/2020 (âm lịch) đến ngày 02/4/2025 (âm lịch) là 293.986.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 16/5/2025, bị đơn ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị C trình bày như sau:*

Vào ngày 02/11/2020 (âm lịch) vợ chồng ông bà có biên nhận nợ chị Phan Thị T sinh năm 1980 cư ngụ ấp , xã T L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang số tiền là 427.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bảy triệu đồng chẵn). Theo nội dung biên nhận nợ thì ba tháng sẽ trả nợ một lần, với số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) trên một lần trả, tính từ ngày 10-02-2021 (Âm lịch) trả lần một số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng chẵn) đến ngày 30-01-2025 (âm lịch), vẫn trả 7.000.000 đồng như giấy biên nhận nợ, tổng số là 16 lần trả nợ, tổng số tiền là 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng chẵn). Còn thiếu lại chị Phan Thị T số tiền 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng), theo biên nhận thì 03 tháng sẽ trả tiền cho chị Thúy một lần với số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), vợ chồng ông bà không làm sai theo biên nhận nợ với chị T nhưng chị T kiện vợ chồng ông bà ra Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Số tiền gốc 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng), tiền lãi 293.986.000 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Nhưng trong biên nhận nợ ngày 02/11/2020 chị T không hề có tính tiền lãi cũng như thỏa thuận về lãi và không bắt buộc vợ chồng ông bà phải trả nợ một lần trên số nợ. Kính mong Tòa án xem xét và giải quyết theo biên nhận nợ ngày 02/11/2020 (âm lịch), trả tiền dần theo thỏa thuận như biên nhận cũ ba tháng trả một lần với số tiền

7.000.000 đồng (bảy triệu đồng chẵn), trả từ nay đến ngày cuối cùng cho đến hết số tiền là 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng) là phần nợ còn lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị V có bản tự khai trình bày ý kiến như sau:*

Vào năm 2015 đến năm 2020, chị với chị Phan Thị T có làm ăn chung với nhau, chị có mượn tiền của bà T nhiều đợt, tổng cộng số tiền nợ là 427.000.000 đồng, để phục vụ mục đích kinh doanh cá nhân. Trong quá trình kinh doanh, do gặp thua lỗ, đồng thời phải gánh vác trách nhiệm nuôi hai con nhỏ sau khi ly hôn, nên mất khả năng chi trả cho chị T. Từ năm 2020, chị chủ động nhờ cha mẹ ruột hỗ trợ trả thay khoản nợ này. Chị T đồng ý với phương thức thanh toán: ba tháng một lần, thể hiện bằng biên nhận ngày 02/11/2020 đứng tên cha mẹ chị là ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị C. Biên nhận này không ghi thời hạn cụ thể mà chỉ thể hiện nghĩa vụ trả dần cho đến khi hết nợ. Chị khẳng định: Toàn bộ số tiền gốc là do chị nợ, không phải cha mẹ chị, việc cha mẹ chị trả nợ là do nhờ vả trong hoàn cảnh khó khăn, không phải là bên nợ và không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ chị T. Tổng cộng số tiền 615.986.000 đồng, là không đúng theo biên nhận nợ ngày 02/11/2020 do chính tay chị T tự viết. Đồng thời, chị T còn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất đứng tên hộ gia đình cha mẹ chị tài sản mà Tòa án đang phong tỏa diện tích 3.903,8m² thuộc thửa đất số 414, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp , xã T L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH00715, ngày 14/11/2012 cho hộ ông Phan Văn T là không có căn cứ, không đúng bản chất việc vay mượn tiền. Việc cha mẹ chị trả thay không làm phát sinh nghĩa vụ mới của họ, mà là hành vi tự nguyện hỗ trợ con cái. Chị xác nhận tiếp tục nhờ cha mẹ chị trả thay khoản nợ này, do hiện tại chị vẫn chưa có khả năng trả nợ (không có thu nhập ổn định, đang nuôi hai con nhỏ). Đề nghị Tòa án: Xác định rõ chị là người vay nợ gốc của chị T; Ghi nhận việc cha mẹ chị trả thay là theo thỏa thuận dân sự tự nguyện hỗ trợ con cái, không phát sinh quan hệ vay mượn giữa họ và chị T; Xem xét hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tài sản, cũng như tư cách bị đơn của cha mẹ chị, không có đủ căn cứ xác định họ là người vay; cha mẹ chị tiếp tục hỗ trợ trả nợ thay chị số tiền còn lại là 315.000.000 đồng theo nội dung biên nhận ghi, mà chị T tự viết vào ngày 02/11/2020 "Cứ 03 tháng trả một lần cho đến khi hết nợ". Tạo điều kiện để các bên được đối chất và làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

** Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nguyên đơn khởi kiện chỉ căn cứ vào biên nhận nợ để buộc bị đơn trả tiền là không có cơ sở, bởi số tiền này bị đơn không nợ, không nhận tiền trực tiếp từ nguyên đơn. Bị đơn ký nhận nợ là nhận nợ thay cho con. Thực chất việc ký biên nhận nợ là từ sự ép buộc của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của*

nguyên đơn thì đề nghị cho bị đơn tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận tại biên nhận nợ vì bị đơn không vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên không đồng ý trả nợ 01 lần và không đồng ý trả lãi.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2025/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – tỉnh Đồng Tháp đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T có đại diện theo ủy quyền là anh Võ Văn E.

Buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị T số tiền vốn vay là 315.000.000 đồng và tiền lãi là 6.710.550 đồng theo giấy Biên nhận nợ ngày 02/11/2020 (âm lịch). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Phan Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị C chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2025/QĐ-BPKCTT, ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp) cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 25/08/2025, bị đơn ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị C kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 54/2025/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử vì tại phiên tòa nguyên đơn không chứng minh được các căn cứ khởi kiện.

+ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

+ Yêu cầu nguyên đơn trả lại cho ông T, bà C số tiền 112.000.000 đồng mà ông bà đã thanh toán 16 đợt vì đây là nghĩa vụ nhầm lẫn, gây thiệt hại cho ông bà trong thời gian qua.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện cho bị đơn là chị N và anh H trình bày đồng ý trả cho chị T như theo thỏa thuận trước đây là trả dần cho hết nợ, giữ yêu

cầu kháng cáo; anh A và anh E đại diện cho nguyên đơn không đồng ý cho tiếp tục trả dần.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ các căn cứ để buộc ông T và bà C trả tiền cho chị T, chưa làm rõ ông T và bà C có nhận tiền trực tiếp từ chị T hay không, mà chỉ là nhận nợ thay cho chị V, xác định nguồn tiền vay phải có người làm chứng, ông T và bà C đã trả cho chị T số tiền 112.000.000 đồng thì chị T phải hoàn trả lại cho ông T và bà C, quan hệ tiền vay giữa chị T và chị V khởi kiện vụ án khác. Luật sư có nhiều phân tích khác và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Ông T và bà C thừa nhận có ký biên nhận và có trả tiền cho chị T, tính về thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có vi phạm, tại phiên tòa phúc thẩm không cung cấp chứng cứ nào khác, yêu cầu xin trả dần của bị đơn cũng không được nguyên đơn đồng ý; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử nhận định:

[I]- Nguyên đơn Phan Thị T căn cứ vào tờ biên nhận nợ ngày 02/11/2020 có chữ ký tên của ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị C yêu cầu trả lại số tiền đã vay mượn. Theo nội dung các bên thống nhất ông T và bà C đã thực hiện trả cho chị T số tiền 112.000.000 đồng, còn nợ lại 315.000.000 đồng; do ông T và bà C có vi phạm nghĩa vụ chậm trả theo thỏa thuận là đến ngày 30/01/2025 thì không trả nữa nên chị T khởi kiện. Ông T, bà C và chị V là quan hệ cha mẹ con có lời trình bày số nợ này là do chị V nợ của chị T, nhờ ông T và bà C ký nhận nợ thay, nên ông T và bà C không đồng ý trả nữa. Tuy nhiên, căn cứ vào chứng cứ để chị T yêu cầu khởi kiện là phù hợp trên cơ sở tờ biên nhận nợ, ông T và bà C thừa nhận ký tên để nhận nợ thay cho chị V và đã có trả. Giữa chị V với ông T và bà C là quan hệ khác giữa các bên về quyền và nghĩa vụ; không có sự thống nhất chuyển giao nợ từ ông T và bà C trở lại cho chị V để được chị T thừa nhận và yêu cầu chị V phải trả, nếu phát sinh thì chị V có nghĩa vụ thực hiện đối với ông T và bà C.

[II]- Ông T và bà C kháng cáo cho rằng ông bà không có trách nhiệm, không đồng ý trả và yêu cầu chị T phải trả lại số tiền 112.000.000 đồng mà ông bà đã giao cho chị T; tại phiên tòa phúc thẩm chị N và anh H là người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà C trình bày đồng ý trả cho chị T như theo thỏa thuận trước đây là trả dần cho hết nợ. Qua xem xét về chứng cứ là không có cơ sở, do ông T và bà C thừa nhận tờ biên nhận nợ và có trả tiền cho chị T, nhưng đã có sự vi phạm về thời gian phải trả theo thỏa thuận là 03 tháng trả 7.000.000 đồng, tính số tiền 112.000.000 đồng tương ứng từ ngày 02/11/2020 đến tháng 10/2024, nhưng đến ngày 30/01/2025 mới thực hiện và sau khi chị T khởi kiện thì không trả tiếp;

anh A và anh E không đồng ý theo ý kiến của chị N và anh H nên không có cơ sở để xem xét tiếp tục trả dần. Đối với yêu cầu trả lại số tiền 112.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố yêu cầu chị T trả lại tiền nên yêu cầu này không được xem xét. Về lãi suất cấp sơ thẩm tính lãi suất 0,83% trong thời gian khởi kiện cũng phù hợp theo quy định.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, cần thiết giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

[III]- Ý kiến và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Ông T và bà C được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

[IV]- Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị C uỷ quyền cho anh Phan Văn H và chị Dương Thị Kiều N.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2025/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T có đại diện theo uỷ quyền là anh Võ Văn E

Buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị T số tiền vốn vay là 315.000.000 đồng và tiền lãi là 6.710.550 đồng theo giấy Biên nhận nợ ngày 02/11/2020 (âm lịch).

Kể từ ngày chị Phan Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị C chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Ông T và bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND Khu vực 4 – Đồng Tháp; (1)
- Các đương sự; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Giàu